

Bản án số: 50/2020/ HS-ST
Ngày 04 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoi

Ông Nguyễn Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2020/HS-ST, ngày 31 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Văn T**, sinh năm 1972.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn H (đã chết) và bà Hà Thị N, sinh năm 1934; Gia đình bị cáo có 07 anh em, bị cáo là con thứ 06; Vợ: Hoàng Thị M, sinh năm 1973 và 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Xóm K, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Anh Dương Đình C, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Tổ DP Ú, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

- Người chứng kiến: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 45 phút ngày 21/02/2020, Tổ công tác Công an huyện P làm nhiệm vụ tại xã T, huyện P thì phát hiện Nông Văn T, sinh năm 1972, trú tại: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên có biểu hiện đang bán ma túy cho một số đối tượng nghiện tại nhà mình. Khi phát hiện thấy tổ công tác thì có một đối tượng bỏ chạy còn Nông Văn T và một người đàn ông bị tổ công tác bắt giữ, đối tượng trên khai tên Dương Đình C, sinh năm 1962, trú tại: Tổ dân phố Ú, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra thì Nông Văn T đã tự giác đi vào giường ngủ của nhà mình lấy ra 02 gói nhỏ, trong đó có 01 gói được gói ngoài bằng giấy in lịch và 01 gói được gói ngoài bằng túi nilon màu trắng, bên trong các gói này đều chứa chất bột màu trắng (theo T khai đó là heroine) do T mua về để sử dụng cho bản thân và có ai hỏi mua thì bán kiếm lời. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ vật chứng và các đồ vật có liên quan đưa các đối tượng về trụ sở Công an huyện P để làm rõ. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác định được đối tượng bỏ chạy là Nguyễn Văn L, sinh năm 1985, trú tại: xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Hồi 10 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành khám xét khẩn cấp đồ vật, nhà ở, khu vực xung quanh nhà ở của Nông Văn T ở xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 21/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P phối hợp cùng Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng số chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của Nông Văn T có tổng khối lượng là 0,276 gam, lấy toàn bộ 0,276 niêm phong (ký hiệu A1) gam gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 361/ KL-KTHS, ngày 29/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu A1 gửi giám định là chất ma túy loại Heroine, có khối lượng là 0,276 gam.

Tại cơ quan điều tra, Nông Văn T, Nguyễn Văn L, Dương Đình C khai nhận như sau: T là đối tượng nghiện ma túy nên T thường xuyên phải đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân và bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác để kiếm lời. Ngày 18/02/2020, T một mình đến khu vực xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên gặp một người đàn ông giới thiệu tên Q (T không biết địa chỉ) và T đã mua của người này 01 gói ma túy với giá 1.200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T về nhà chia số ma túy thành các gói nhỏ. Khoảng 08 giờ ngày 19/02/2020, Nguyễn Văn L, sinh năm 1985, trú tại: xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là đối tượng nghiện ma túy đến nhà T để mua ma túy. Tại đây, T đã bán cho L 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng, số ma túy còn lại T đã sử dụng hết. Ngày 20/3/2020, T tiếp tục đến khu vực xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên gặp người đàn ông giới thiệu tên Q để hỏi mua ma túy và T đã mua của Q 01 gói ma túy với giá 1.200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T về nhà chia số ma túy trên thành nhiều gói nhỏ và sử dụng hết một phần, đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/02/2020, khi T đang ở nhà thì Nguyễn Văn L đi cùng Dương Đình C, sinh năm 1962; Trú quán: tổ dân phố Ú, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến nhà T để hỏi mua ma túy. Khi L và C đến cổng, thì T đem 02 gói ma túy ra bán cho L và C mỗi người 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng/01 gói. Khi T vừa giao ma túy xong, thì bị tổ công tác Công an huyện P phát hiện bắt quả tang và giao nộp số ma túy còn lại, còn C và L cầm ma túy bỏ chạy. C bỏ chạy đến khu vực đồi keo phía sau nhà T thì bị bắt giữ, trên đường bỏ chạy C đã ném

gói ma túy nên không thu giữ được, còn L bỏ chạy về nhà và đã sử dụng hết gói ma túy mua được.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Bản cáo trạng số 50/CT-VKSPB, ngày 30-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nông Văn T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 08 đến 09 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 05 đến 10 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu 01 phong bì niêm phong (ký hiệu A1) bên trong có chứa chất ma túy (Heroine) được hoàn lại sau giám định;

- Tạm giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu hồng bị vỡ màn hình, máy cũ đã qua sử dụng để đảm bảo cho việc Thi hành án;

- Tạm giữ 400.000 đồng để đảm bảo cho việc Thi hành án. Truy thu bị cáo số tiền 600.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị

cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Nông Văn T đã bán ma túy Heroine cho những người nghiện ma túy: Nguyễn Văn L và Dương Đình C để kiếm lời, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 08h ngày 19/02/2020 tại khu vực cổng của nhà bị cáo T thuộc xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo đã bán cho Nguyễn Văn L 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 08h 30 phút ngày 21/02/2020, tại khu vực cổng của nhà bị cáo T thuộc xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo đã bán cho Dương Đình C và Nguyễn Văn L mỗi người 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng/1 gói, thì bị Công an huyện Phú Bình phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo Nông Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 50/CT-VKSPB ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Nội dung của Điều 251 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

a) ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với hai người trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự xã hội ở địa phương, còn là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm khác... Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo với một mức án nghiêm minh và cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo T là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự.

[7] Xét tính chất mức độ tội phạm, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[8] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy việc bị cáo phạm tội với mục đích thu lợi bất chính, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước .

[9] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 phong bì niêm phong (ký hiệu A1) bên trong có chứa chất ma túy (Heroin) được hoàn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu hồng bị vỡ màn hình, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án;

- Đối với số tiền 400.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Truy thu số tiền 200.000đồng do bị cáo phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội về tội danh, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần

chấp nhận.

[11] Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, ra Quyết định tạm giam bị cáo Nông Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu một khoản án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ pháp luật áp dụng:

- Điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Nông Văn T **08**(Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 02 năm 2020.

3. Về phạt bổ sung: Phạt tiền Nông Văn T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra Quyết định tạm giam bị cáo Nông Văn T với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong (ký hiệu A1) bên trong có chứa 0,266 gam ma túy (Heroine) được hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu A1;

- Tạm giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony màu hồng bị vỡ màn hình số imel: 25767 máy cũ đã qua sử dụng để đảm bảo cho việc Thi hành án;

- Tịch thu 400.000đ(Bốn trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước; truy thu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/5/2020, ủy nhiệm chi ngày 27/4/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nông Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo Nông Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sái Đức Trung